

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ TÀI
CHÍNH - BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2008

Số: 14/2008/TTLT-
BLĐTBXH-BTC-BKHĐT

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg (sau đây gọi chung là Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC VAY VỐN

Đối tượng được vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung.

II. XÂY DỰNG DỰ ÁN, LẬP HỒ SƠ VAY VỐN

Xây dựng dự án và lập hồ sơ vay vốn theo khoản 1 Điều 9 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung, thực hiện như sau:

1. Xây dựng dự án:

Các đối tượng có nhu cầu vay vốn phải xây dựng dự án, trình bày rõ mục tiêu, nội dung, hiệu quả kinh tế của dự án và cam kết sử dụng vốn đúng mục đích, thu hút đủ số lao động vào làm việc, theo quy định sau:

- Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung: chủ cơ sở sản xuất kinh doanh là chủ dự án phải xây dựng dự án theo mẫu số 1a ban hành kèm theo Thông tư này;

- Đối với các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung: chủ dự án xây dựng dự án theo mẫu số 1b ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

+ Đối với các hộ gia đình cùng tham gia một dự án (dự án nhóm hộ gia đình): người vay vốn phải làm đơn tham gia dự án theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này gửi chủ dự án (là người đại diện nhóm hộ gia đình hoặc đại diện chính quyền hoặc đại diện cơ quan thực hiện Chương trình);

+ Đối với hộ gia đình tự xây dựng dự án thì người vay vốn làm chủ dự án.

2. Lập hồ sơ vay vốn:

Hồ sơ vay vốn được lập 03 bộ, cụ thể:

a) Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg

đã sửa đổi, bổ sung, hồ sơ vay vốn bao gồm:

- Dự án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án về địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn;

- Đối với các đối tượng có mức vay trên 30 triệu đồng phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định.

Ngoài ra, tùy theo từng trường hợp cụ thể, cần có một trong các giấy tờ sau:

- Bản sao Hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với Tổ hợp tác);

- Bản sao Giấy tờ chứng minh có đủ tiêu chí xác định trang trại theo quy định tại mục III Thông tư liên tịch số 69/2000/BNN-TCTK ngày 23/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tổng cục Thống kê “Hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại” (đối với Chủ trang trại);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hành nghề (đối với Hộ kinh doanh cá thể; Hợp tác xã; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật doanh nghiệp; Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật);

- Bản sao Quyết định thành lập (đối với Trung tâm giáo dục lao động - xã hội);

b) Đối với các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung, hồ sơ vay vốn bao gồm:

- Dự án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án về địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn;

- Đơn tham gia dự án của từng hộ gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp của người vay hiện đang cư trú trên địa bàn.

III. THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Thẩm định và phê duyệt dự án theo khoản 2, khoản 3 Điều 9 Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung, thực hiện như sau:

1. Thẩm quyền thẩm định dự án:

Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, bảo đảm các chỉ tiêu tạo việc làm mới và bảo tồn vốn, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định tại khoản 2, mục III của Thông tư này.

Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn việc phân cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội cấp dưới thẩm định dự án và

việc ủy thác cho các cơ quan, tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương tổ chức thẩm định dự án (theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác).

2. Thẩm quyền phê duyệt dự án:

a) Đối với các dự án có mức vốn vay đến 100 triệu đồng: Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý), trình Thủ trưởng cơ quan thực hiện Chương trình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quản lý);

b) Đối với các dự án có mức vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý), trình Thủ trưởng cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình phê duyệt (đối với dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quản lý).

Tùy theo tình hình thực tế ở địa phương

và của các cơ quan thực hiện Chương trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình có thể phân cấp cho cấp dưới phê duyệt dự án đối với mức vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng;

c) Đối với các dự án vay vốn do Bộ Quốc phòng quản lý, tùy theo tình hình cụ thể do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phân cấp cho cấp dưới phê duyệt dự án.

3. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và phê duyệt dự án:

a) Tiếp nhận và thẩm định dự án:

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương có trách nhiệm hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, tiếp nhận hồ sơ vay vốn; hoặc phối hợp với các cơ quan thực hiện chương trình địa phương (đối với các đối tượng vay vốn ủy thác cho các cơ quan, tổ chức thực hiện chương trình ở địa phương thực hiện) hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án và ghi giấy biên nhận trao cho chủ dự án (hoặc người được ủy quyền). Giấy biên nhận ghi rõ: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ; những văn bản có trong hồ sơ và thời hạn trả lời;

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương hoặc các cơ quan, tổ chức thực hiện Chương trình địa phương nhận ủy

thác có trách nhiệm thẩm định dự án (theo mẫu số 3a, 3b của Thông tư này);

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án. Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Mục II Thông tư này, Ngân hàng chính sách xã hội địa phương có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

Trong thời hạn nêu trên, nếu chưa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án thì Ngân hàng Chính sách xã hội phải chịu trách nhiệm và nêu rõ lý do.

b) Phê duyệt dự án:

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, cơ quan có thẩm quyền phải phê duyệt dự án, nếu không ra quyết định phê duyệt dự án thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng chính sách xã hội thông báo cho đối tượng;

- Quyết định phê duyệt các dự án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc Thủ trưởng Cơ quan thực hiện Chương trình các cấp kèm theo biểu tổng hợp dự án như mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này (kèm hồ sơ vay vốn đã qua

thẩm định) được gửi 01 bộ cho chủ dự án để thực hiện; 01 bộ tại cơ quan Ngân hàng Chính sách xã hội nơi tiếp nhận và thẩm định dự án; 01 bộ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý) hoặc Cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình (đối với dự án thuộc nguồn vốn do Cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình quản lý) để theo dõi, tổng hợp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan:

a) Các cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình:

- Lập kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm hàng năm và 5 năm từ nguồn vốn bổ sung mới và vốn thu hồi; giao kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm cho cấp dưới; tổ chức quản lý, điều chuyển nguồn vốn giữa các địa phương trong phạm vi nguồn vốn được giao quản lý khi cần thiết; quyết định phê duyệt và phân cấp phê duyệt dự án theo đúng quy định;

- Chỉ đạo cấp dưới thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ Quỹ; kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cho vay vốn, giám sát chỉ tiêu tạo việc làm mới của các dự án, tổng hợp báo cáo

định kỳ quý, 6 tháng và năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu số 5a, 5b kèm theo Thông tư này.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Chỉ đạo Ngân hàng chính sách xã hội địa phương chủ trì hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, giải ngân vốn vay và thu hồi nợ;

- Giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay, tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và hàng năm về tình hình sử dụng vốn cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan thực hiện chương trình cùng cấp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu số 06, 07, 08 và 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm hàng năm và 5 năm từ nguồn vốn bổ sung mới và vốn thu hồi của tỉnh, thành phố, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, giao kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm cho các cơ quan thực hiện; chỉ đạo cơ quan Lao động cấp huyện thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển nguồn vốn giữa các địa bàn thuộc tỉnh, trong phạm vi nguồn vốn được giao quản lý của tỉnh khi cần thiết;

- Tổng hợp kết quả cho vay của Quỹ, báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu số 5a, 5b ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hiệu lực thi hành:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và

thay thế Thông tư liên tịch số 34/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 09/12/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Bích Đạt

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Phạm Sỹ Danh

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hòa

Mẫu số 1a

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh)

Tên dự án:

Họ và tên chủ dự án:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện dự án:.....

I. BỐI CẢNH

- Đặc điểm tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
 - Bối cảnh kinh tế - xã hội:
 - Khả năng phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh trong dự án:
-

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định chỗ làm việc cho người lao động.
 - Đảm bảo thu nhập góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Chủ thể dự án:.....
- Tên gọi cơ sở sản xuất, kinh doanh:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09621508

- Chức năng:.....
 - Tên người đứng đầu:.....
 - Địa chỉ trụ sở sản xuất:
 - Vốn hoạt động: đồng
 - Số hiệu tài khoản tiền gửi:.....
2. Mặt bằng sản xuất, kinh doanh (hiện trạng, diện tích):
- Văn phòng (địa chỉ, m²):.....
 - Nhà xưởng, kho bãi (địa chỉ, m²):
3. Nguồn vốn hoạt động (quy ra tiền):.....
- Tổng số:
- Trong đó: - Vốn tự có..... đồng
- Vốn vay:..... đồng
- Chia ra: - Vốn cố định: đồng
- Vốn lưu động đồng
4. Năng lực sản xuất:
- Xưởng sản xuất (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động):
 - Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
 - Tổ chức, bộ máy (số lượng phòng ban, số lượng lao động):
5. Kết quả sản xuất kinh doanh (2 năm gần nhất):
- Sản phẩm (số lượng, khối lượng từng loại sản phẩm):.....
 - Doanh thu: (đồng)
 - Thuế: (đồng). Lợi nhuận :..... (đồng)
 - Tiền lương bình quân của công nhân:..... (đồng/tháng)
6. Nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:
- a) Mở rộng, cải tạo nhà xưởng:
- Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - Chi phí mở rộng, cải tạo:

b) Đầu tư trang thiết bị:

- Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

- Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

c) Đầu tư vốn lưu động:

Vật tư, nguyên, nhiên liệu (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

d) Nhu cầu sử dụng lao động:

- Lao động hiện có: người

- Lao động tăng thêm: người

Trong đó:

+ Lao động nữ: người

+ Lao động là người tàn tật: người

+ Lao động là người dân tộc: người

+ Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp:.....

..... người

7. Số vốn xin vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm:

- Tổng số vốn xin vay:..... đồng (% so với tổng số vốn thực hiện dự án).

- Mục đích sử dụng vốn vay:

- Thời hạn vay:..... tháng. Lãi suất:.....% tháng

8. Tài sản thế chấp: (ghi cụ thể tài sản và giá trị)

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

1. Đối với doanh nghiệp:

- Tăng năng lực sản xuất (máy móc, thiết bị):

- Tăng sản phẩm, doanh thu (số lượng, giá trị):.....

- Tăng lợi nhuận:..... đồng. Tăng số thuế phải nộp ngân sách nhà nước..... đồng.

2. Đối với người lao động:

- Thu hút và đảm bảo ổn định việc làm cho: lao động
- Tiền công:..... đồng/tháng

V. PHÂN CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi xin cam kết:

- Thu hút lao động: (người)
- Sử dụng vốn đúng mục đích đã nêu trong dự án.
- Đảm bảo thời hạn hoàn trả vốn.
- Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ: thời gian làm việc và nghỉ ngơi, bảo hộ lao động bảo hiểm đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN

..... ngày tháng năm
CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1b

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

Tên dự án:.....

Họ và tên chủ dự án:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa điểm thực hiện dự án:.....

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Ngành nghề chính tham gia dự án:
 - Trồng trọt (số lượng hộ tham gia):.....
 - Chăn nuôi (số lượng hộ tham gia):.....
 - Tiểu, thủ công nghiệp, chế biến (số lượng hộ tham gia):.....
 2. Tổng số hộ tham gia dự án (Biểu tổng hợp kèm theo):
 - Tổng số lao động các hộ tham gia dự án: (người)
 - Số lao động được tạo việc làm mới: (người)
- Trong đó:
- + Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:..... người

+ Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất:..... người.

3. Tổng số vốn thực hiện dự án:

- Nguồn vốn hiện có:..... (đồng), trong đó: Vốn bằng tiền:..... (đồng)

4. Tổng số vốn xin vay từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm:..... đồng

5. Thời hạn vay vốn: tháng. Lãi suất vay:%/tháng

6. Mục đích sử dụng tiền vay:

7. Thời gian thực hiện dự án:.....

III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm đôn đốc các thành viên vay vốn sử dụng đúng mục đích và hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn cho nhà nước.

XÁC NHẬN CỦA UBND
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

..... ngày tháng năm
CHỦ DỰ ÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN THAM GIA DỰ ÁN VAY VỐN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Kính gửi: Ông/Bà.....

Chủ dự án nhóm hộ.....

Tên tôi là:..... Năm sinh:.....

Số CMND:..... Cấp ngày:..... tại:.....

Trú tại:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Nghề nghiệp chính:.....

Có tư liệu sản xuất:

- Đất ruộng: m²; vườn:..... m²; chuồng trại:..... m²

- Vật nuôi (số lượng gia súc, gia cầm):..... con, giá trị:.....(đồng);

- Cây trồng (số lượng cây): cây, giá trị:..... (đồng);

- Công cụ sản xuất (ghi cụ thể, số lượng): cái, giá trị:..... (đồng);

- Lao động trong hộ (người):.....

- Tiền mặt (đồng):

Tổng số vốn hiện có: (đồng)

Nay tôi có nhu cầu tham gia dự án vay vốn giải quyết việc làm để vay vốn đầu tư sản xuất (ghi cụ thể mục đích sử dụng vốn vay):.....

Số vốn cần vay (đồng): Lãi suất vay: %/tháng

Thời hạn vay: tháng, để tạo việc làm mới cho: lao động

Trong đó:

+ Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:..... người

+ Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Ông/Bà..... cho tôi được tham gia dự án vay vốn cho Quỹ cho vay giải quyết việc làm, nếu được vay vốn tôi bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích được duyệt và cam kết hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN

..... ngày tháng năm 200.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 200.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

(Áp dụng cho dự án của cơ sở sản xuất kinh doanh)

1. Tên dự án:.....
2. Tên chủ dự án:.....
- CMND số:..... do..... cấp ngày /.../.....
3. Chức vụ:
4. Địa chỉ liên hệ:
5. Địa điểm thực hiện dự án:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA THẨM ĐỊNH

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đại diện:.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đại diện:.....
3. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đại diện:.....

B. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP:

1. Lịch sử phát triển của cơ sở sản xuất kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề/Quyết định thành lập số:..... do..... cấp ngày...../...../.....

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại:.....

2. Đánh giá về điều kiện sản xuất kinh doanh:.....

- Văn phòng:.....

- Điều kiện về máy móc thiết bị:.....

.....

.....

- Nhà xưởng, kho bãi hoặc đất sản xuất:.....

.....

II. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG DỰ ÁN:

1. Nhu cầu vốn của dự án:

- Tổng nhu cầu vốn:.....

- Vốn hiện có:..... đồng. Trong đó: Vốn tự có..... đồng

- Vốn đề nghị vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm:..... đồng

- Mục đích sử dụng vốn vay:.....

.....

2. Mục tiêu giải quyết việc làm:

- Số lao động hiện tại: người

- Khả năng thu hút lao động mới: người

3. Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của dự án

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Trước dự án	Sau dự án
1. Tổng doanh thu		
2. Giá gốc doanh thu		
3. Chi phí nhân công		
4. Các chi phí khác		
5. Chi phí sinh hoạt (trường hợp kinh doanh cá thể)		
6. Chi nộp thuế		
7. Chênh lệch thu chi (1-2-3-4-5-6):		

4. Tài sản thế chấp:

- Tài sản dự kiến sẽ thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản tiền vay:.....
- Giá trị tài sản thế chấp:.....
- Giấy chứng nhận pháp lý về tài sản thế chấp, cầm cố:.....

5. Kết luận (tính khả thi của dự án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ và thu hút việc làm, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):.....

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền đề nghị cho vay:..... đồng

Bằng chữ:

2. Thời hạn cho vay..... tháng; lãi suất tiền vay:.....%/tháng

3. Tạo việc làm ổn định cho..... lao động tại cơ sở

4. Thu hút thêm..... lao động mới vào làm việc.

Trong đó:

+ Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:..... người

+ Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất:..... người.

5. Mục đích sử dụng tiền vay:.....

.....

CHỦ DỰ ÁN
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THAM GIA THẨM ĐỊNH
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 3b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 200.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

1. Tên dự án:
2. Tên chủ dự án:.....
3. Chức vụ:.....
4. Địa chỉ liên hệ:.....
5. Đối tượng quản lý dự án:.....

A. THÀNH PHẦN THAM GIA THẨM ĐỊNH

1. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đại diện:.....
2. Ông (bà):..... Chức vụ: Đại diện:.....
3. Ông (bà):..... Chức vụ:..... Đại diện:.....

B. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá thực trạng các hộ tham gia dự án:

a) Thực trạng sản xuất kinh doanh của các hộ (số hộ gia đình tham gia, ngành nghề sản xuất, tình trạng tư liệu sản xuất, nguồn vốn hiện có của các hộ):

.....

.....

b) Thực trạng lao động trong các hộ tham gia dự án (số người trong hộ, tình trạng việc làm, thu nhập).....
.....
.....

2. Mục tiêu của dự án:

a) Khả năng phát triển kinh tế của các hộ, ngành nghề lựa chọn, nhu cầu và mục đích vay vốn của các hộ
.....
.....

b) Mục tiêu tạo việc làm cho người lao động (số lao động được giải quyết việc làm và khả năng thu nhập của các hộ trong dự án):.....
.....
.....

3. Nguồn trả nợ của dự án:

a) Hiệu quả của dự án, tăng thu nhập, tăng tích lũy để trả nợ vay.....
.....
.....

b) Trả nợ từ các nguồn khác
.....
.....

4. Kết luận: (tính khả thi của dự án, hiệu quả và khả năng hoàn trả vốn):
.....
.....
.....

C. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền:..... đồng
2. Số hộ đề nghị cho vay (danh sách kèm theo):..... hộ
3. Thời hạn cho vay..... tháng; lãi suất tiền vay:.....%/tháng
4. Số lao động được thu hút:..... người.

Trong đó:

- + Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:..... người
- + Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất:..... người.

5. Mục đích sử dụng tiền vay:.....
-
-

CHỦ DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THAM GIA THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

69621108

BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 200 của

STT	Tên dự án	Chủ dự án	Địa điểm thực hiện	Tóm tắt nội dung dự án	Vốn thực hiện dự án					Số lao động tham gia dự án (người)					
					Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó vay của Quỹ cho vay giải quyết việc làm				Hiện có (người)	Số lao động thu hút thêm				
						Số tiền (Triệu đồng)	% so với tổng số	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (%)		Tổng số	Nữ	Tàn tật	Dân tộc	Bị thu hồi đất
1	2	3	4	5	6	7	$8=7/6 \times 100$	9	10	11	12	13	14	15	16
A	TỪ NGUỒN VỐN MỚI														
	Tổng cộng														
1	Dự án...														
2	Dự án...														
3	Dự án...														
..															

STT	Tên dự án	Chủ dự án	Địa điểm thực hiện	Tóm tắt nội dung dự án	Vốn thực hiện dự án					Số lao động tham gia dự án (người)					
					Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó vay của Quỹ cho vay giải quyết việc làm				Hiện có (người)	Số lao động thu hút thêm				
						Số tiền (Triệu đồng)	% so với tổng số	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (%)		Tổng số	Nữ	Tàn tật	Dân tộc	Bị thu hồi đất
1	2	3	4	5	6	7	$\frac{8=7/6 \times 100}{100}$	9	10	11	12	13	14	15	16
B	TỪ NGUỒN VỐN THU HỒI														
	Tổng cộng														
1	Dự án...														
2	Dự án...														
3	Dự án...														
..															
	Tổng số	X	X	X				X	X						

....., ngày.... tháng.... năm 200....

NGƯỜI LẬP BIỂU

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

S TT	Loại hình dự án	Tổng số			Vốn mới						Vốn thu hồi					
		Số dự án (dự án)	Số tiền (Tr.đ)	Số LĐ thu hút (Người)	Dự án cơ sở SXKD			Dự án Hộ, nhóm hộ gia đình			Dự án cơ sở SXKD			Dự án Hộ, nhóm hộ gia đình		
					Số dự án	Số tiền (Tr.đ)	Số LĐ thu hút (Người)	Số dự án	Số tiền (Tr.đ)	Số LĐ thu hút (Người)	Số dự án	Số tiền (Tr.đ)	Số LĐ thu hút (Người)	Số dự án	Số tiền (Tr.đ)	Số LĐ thu hút (Người)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Chế biến															
3	Sản xuất công nghiệp															
	...															
III	Thương mại, Dịch vụ															
	Kinh doanh															
	Dịch vụ															
	...															
	Tổng cộng															

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày..... tháng..... năm 200.....
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH, THÀNH PHỐ
(HOẶC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH)

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHO VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM ĐẾN KỲ BÁO CÁO
(Tính đến ngày tháng năm))

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Vốn thực hiện dự án (Tr.đ)					Số lao động tham gia dự án (người)						
			Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó vay Quỹ việc làm				Hiện có	Số lao động thu hút thêm					
				Số tiền (Triệu đồng)	% so với tổng số	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (%)		Tổng số	Nữ	Tàn tật	Dân tộc	Bị thu hồi đất	
1	2	3	4	5	6=5/4x100	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	Nông, lâm, ngư nghiệp													
1	Trồng trọt													
2	Chăn nuôi													
3	Thủy sản													
	...													
II	Công nghiệp, xây dựng													
1	Tiểu thủ công nghiệp													
2	Chế biến													
3	Sản xuất công nghiệp													
	...													
III	Thương mại, dịch vụ													
	Kinh doanh													

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Vốn thực hiện dự án (Tr.đ)					Số lao động tham gia dự án (người)					
			Tổng số (Triệu đồng)	Trong đó vay Quỹ việc làm			Hiện có	Số lao động thu hút thêm					
				Số tiền (Triệu đồng)	% so với tổng số	Thời hạn vay (tháng)		Lãi suất vay (%)	Tổng số	Nữ	Tàn tật	Dân tộc	Bị thu hồi đất
1	2	3	4	5	$6=5/4 \times 100$	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dịch vụ												
												
	Tổng cộng				X	X	X						

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày..... tháng.... năm 200.....

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Ký tên, đóng dấu

TỔNG HỢP CHO VAY - THU NỢ - DƯ NỢ VỐN VAY TỪ QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Tổng hợp chung theo địa phương và Cơ quan TW thực hiện Chương trình)

Tháng..... Quý..... Năm.....

STT	Tỉnh, thành phố và Cơ quan TW thực hiện Chương trình	Hạn mức cho vay (Triệu đồng)	Dư nợ đầu kỳ (Triệu đồng)	Số vốn cho vay (Triệu đồng)	Số vốn thu nợ (Triệu đồng)	Xử lý xóa nợ (Triệu đồng)	Dư nợ cuối kỳ				Vốn tồn đọng (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn tồn đọng (%)	Số LĐ thu hút (Người)
							Tổng số (Triệu đồng)	Trong hạn (Triệu đồng)	Quá hạn (Triệu đồng)	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)			
A	B	1	2	3	4=2+3-5-6	5	6=7+8	7	8	9=8/6	10=1-6	11=10/1x100	12
	Tổng số												
I	Dự án địa phương (tất cả các tỉnh, tp)												
II	Dự án Trung ương												
1	Tổng LĐLĐVN												
2	TW Đoàn TN												
3	Hội LH Phụ nữ												
4	Hội Nông dân												
5	Hội Người mù												
6	Hội Cựu CB												

STT	Tỉnh, thành phố và Cơ quan TW thực hiện Chương trình	Hạn mức cho vay (Triệu đồng)	Dư nợ đầu kỳ (Triệu đồng)	Số vốn cho vay (Triệu đồng)	Số vốn thu nợ (Triệu đồng)	Xử lý xóa nợ (Triệu đồng)	Dư nợ cuối kỳ				Vốn tồn đọng (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn tồn đọng (%)	Số LĐ thu hút (Người)
							Tổng số (Triệu đồng)	Trong hạn (Triệu đồng)	Quá hạn (Triệu đồng)	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)			
A	B	1	2	3	4=2+3-5-6	5	6=7+8	7	8	9=8/6	10=1-6	11=10/1x100	12
7	LMHTX												
8	Bộ Quốc phòng												
....													

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.... năm 200.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ký tên, đóng dấu

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TỔNG HỢP CHO VAY - THU NỢ - DƯ NỢ VỐN VAY TỪ QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Tổng hợp theo nguồn vốn phân bổ cho địa phương)

Tháng..... Quý..... Năm.....

STT	Tỉnh, thành phố	Hạn mức cho vay (Triệu đồng)	Dư nợ đầu kỳ (Triệu đồng)	Số vốn cho vay (Triệu đồng)	Số vốn thu nợ (Triệu đồng)	Xử lý xóa nợ (Triệu đồng)	Dư nợ cuối kỳ				Vốn tồn đọng (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn tồn đọng (%)	Số LĐ thu hút (Người)
							Tổng số (Triệu đồng)	Trong hạn (Triệu đồng)	Quá hạn (Triệu đồng)	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)			
A	B	1	2	3	4=2+3-5-6	5	6=7+8	7	8	9=8/6x100	10=1-6	11=10/1x100	12
	Tổng số												

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.... năm 200.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ký tên, đóng dấu

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TỔNG HỢP CHO VAY - THU NỢ - DƯ NỢ VỐN VAY TỪ QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Cơ quan thực hiện Chương trình: chi tiết theo tỉnh, thành phố)

Tháng..... Quý..... Năm.....

STT	Tỉnh, thành phố	Hạn mức cho vay (Triệu đồng)	Dư nợ đầu kỳ (Triệu đồng)	Số vốn cho vay (Triệu đồng)	Số vốn thu nợ (Triệu đồng)	Xử lý xóa nợ (Triệu đồng)	Dư nợ cuối kỳ				Vốn tồn đọng (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn tồn đọng (%)	Số LĐ thu hút (Người)
							Tổng số (Triệu đồng)	Trong hạn (Triệu đồng)	Quá hạn (Triệu đồng)	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)			
A	B	1	2	3	4=2+3-5-6	5	6=7+8	7	8	9=8/6x100	10=1-6	11=10/1x100	12
	Tổng số												

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày... tháng... năm 200...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ký tên, đóng dấu

